CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10.10/QĐTN-HV	*Vĩnh Long, ngày 10 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ
THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG (LẦN 2)

Kính gửi:

- **Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai;**
- **Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.**

Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP Ngày 13/01/2026 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng.

Căn cứ năng lực thiết bị và nhân sự của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Việt.

Công ty TNHH Tư vân xây dựng Hưng Việt công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động của trạm thí nghiệm hiện trường :

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1300567433 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07 tháng 08 năm 2025 do phòng Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể - Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long cấp;

Mã số thuế: 1300567433

Địa chỉ: Số nhà 148/1 đường Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 8, phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: 0913.054.086 Web: www.tnhhhungviet.com.vn

Email: Congtytnhhhungviet2009@gmail.com

Trạm thí nghiệm hiện trường thuộc Phòng TNKĐ & CNCL công trình LAS -XD 1049. Bao gồm các gói thầu :

Gói thầu 4.6 : Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và lập thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình khác.

Gói thầu 4.7 : Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình sân đỗ tàu bay nhà ga hành khách và các công trình khác .

Gói thầu 4.8: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, lập thiết kế BVTC công trình giao thông nội Cảng và hạ tầng kỹ thuật Cảng hàng không.

Gói thầu 4.12 :Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị vào công trình đường cất hạ cánh thứ 2, đường lăn và các công trình đồng bộ khác.

Địa chỉ : Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, p Long Thành, tp. Đồng Nai;

2. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

3. Danh sách máy móc thiết bị tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

4. Danh sách nhân sự tại trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo công bố này).

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Việt cam kết thông tin công khai năng lực đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố

Nơi nhận:
- Sở xây dựng Tỉnh Đồng Nai;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

GIÁM ĐỐC

Trịnh Quang Dũng

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THỰC HIỆN TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG.

(Kèm theo quyết định số 10.10/QĐTN-HV ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
1	**Đất đắp**	
1.1	Phân loại đất, chỉ số nhóm	AASHTO M 145 - 04
1.2	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11 - 05
1.3	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014, AASHTO T88-04
1.4	Tỷ trọng hạt	TCVN 4195 : 2012
1.5	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020
1.6	Giới hạn chảy (LL)	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-02
1.7	Giới hạn dẻo (PL)	TCVN 4197:2012; AASHTO T90-04
1.8	Chỉ số dẻo (PI)	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-02; AASHTO T90-04
1.9	Trương nở	TCVN 12792:2020
1.10	Chỉ số sức chịu tải	TCVN 12792:2020
1.11	Hàm lượng muối	TCVN 9436 : 2012
1.12	Hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267-04
1.13	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012
2	**Vật liệu dạng hạt cho lớp móng dưới**	
2.1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2.2	Giới hạn chảy (LL)	TCVN 4197:2012
2.3	Giới hạn dẻo (PL)	TCVN 4197:2012
2.4	Chỉ số dẻo (PI)	TCVN 4197:2012
2.5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
2.6	Hàm lượng bụi bùn sét	TCVN 7572-8:2006
2.7	Thí nghiệm đầm nén	TCVN 12790:2020
2.8	Trương nở	TCVN 12792:2020
2.9	Chỉ số sức chịu tải CBR	TCVN 12792:2020
2.10	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11 - 05

2.11	Thí nghiệm hệ số thấm	ASTM D2434 - 94
3	**Cấp phối đá dăm và Cấp phối đá dăm gia cố xi măng**	
3.1	Đầm nén tiêu chuẩn, tỷ trọng khối	TCVN 12790:2020
3.2	Xác định chỉ số CBR, độ trương nở	TCVN 12792:2020
3.3	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27-23
3.4	Hàm lượng lọt sàng 0,075mm	AASHTO T11-05
3.5	Độ hao mòn Los – Angeles	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96-22
3.6	Giới hạn chảy	TCVN 4197:12
3.7	Giới hạn dẻo	TCVN 4197:12
3.8	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:12
3.9	Tích số dẻo	TCVN 4197:12; AASHTO T11-05
3.10	Hàm lượng thoi dẹt	TCVN 7572-13:06
3.11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006
3.12	Hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267 - 04
3.13	Thiết kế mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 8858: 2023
3.14	Cường độ nén mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 3118 -2022
3.15	Cường độ ép chẻ mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 8862: 2011
3.16	Mô đun dàn hồi mẫu CPĐD gia cố xi măng	TCVN 9843-2013
4	**Cốt liệu cho bê tông xi măng, bê tông nhựa , vữa và Đá dăm làm lớp lọc**	
4.1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006; AASHTO T27 -23
4.2	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205:2012; AASHTO T11-05
4.3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích khô, khối lượng thể tích bão hòa & độ hút nước cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006
4.4	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích khô, khối lượng thể tích bão hòa & độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4.5	Khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
4.6	Hàm lượng hạt thoi dẹt của cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 2006
4.7	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
4.8	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
4.9	Hàm lượng hạt mền yếu phong hóa	TCVN 7572-17:2006
4.10	Tỷ trọng khối, tỷ trọng bão hoà khô bề mặt, tỷ trọng	TCVN 7572-4:2006;

	biểu kiến & độ hút nước	AASHTO T85-22 AASHTO T84-22
4.11	Độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los-Angeles)	TCVN 7572- 12:2006
4.12	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
4.13	Hàm lượng mi ca	TCVN 7572-20:2006
4.14	Hệ số đương lượng(ES)	AASHTO T176-22
4.15	Độ góc cạnh cốt liệu	TCVN 11807:2017; TCVN 8860-7:2011
4.16	Độ dính bám của đá với nhựa đường	TCVN 7504:2005
4.17	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
4.18	Thành phần cỡ hạt cát nghiền	TCVN 9205:2012
5	**Xi măng**	
5.1	Lấy mẫu	TCVN 4787:2009
5.2	Khối lương riêng, Độ mịn xi măng	TCVN 4030:2003; TCVN 13605:2023
5.3	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015
5.4	Giới hạn bền nén, uốn	TCVN 6016:2011
6	**Bê tông xi măng**	
6.1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
6.2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6.3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
6.4	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109:2022
6.5	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
6.6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
6.7	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:2022
6.8	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022
6.9	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022
7	**Vữa xây dựng**	
7.1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121-2:2022
7.2	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
8	**Bột khoáng**	
8.1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2: 06; TCVN 12884-2:2020
8.2	Độ ẩm	TCVN 7572-7: 06; TCVN 12884-2:2020

8.3	Giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012
8.4	Giới hạn dẻo	TCVN 4197: 2012
8.5	Chỉ số dẻo	TCVN 4197: 2012
8.6	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
8.7	Thí nghiệm khối lượng riêng	AASHTO T100 -22 ; TCVN 8735:2012
9	**Nhựa đường bitum**	
9.1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495 : 2005
9.2	Nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN7497 : 2005
10	**Bê tông nhựa**	
10.1	Xác định Độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:2011
10.2	Xác định Hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết ly tâm	TCVN 8860-2:2011
10.3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
10.4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011;
10.5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T275-22
10.6	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10.7	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
10.8	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
10.9	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
10.10	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:2011
10.11	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng- Thiết kế theo pp Marshall	TCVN 8820:2011
11	**Thép xây dựng**	
11.1	Thử kéo	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:2013;
11.2	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:2013;
11.3	Đo các đặc trưng hình học	TCVN 7937 - 1 : 2013
11.4	Xác định sai lệch khối lượng trên mét dài danh nghĩa	TCVN 7937 - 1 : 2013
11.5	Xác định diện tích gân hoặc rãnh lõm tương đối	TCVN 7937- 1: 2013

11.6	Thử kéo bu long và đai ốc	TCVN 130:1997; TCVN 197: 2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989;TCVN 4796:1989; ASTM A370
11.7	Dây kim loại: Phương pháp thử kéo, Thử uốn, dung sai khối lượng	TCVN 1824:1993; TCVN 1825:2008; TCVN 1826:2006; TCVN 1827:2006; TCVN 12518-1:2018; TCVN 12518-2:2018; ASTM A370-24a
11.8	Độ giãn dài sau khi kéo đứt	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014
12	**Đá gốc**	
12.1	Cường độ và hệ số hóa mềm	TCVN 7572-10:2006
12.2	Khối lượng thể tích	TCVN 7572-5:2006
13	**Gạch, đá ốp lát.**	
13.1	Xác định các tính chất cơ lý của đá ốp lát tự nhiên và đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ.	TCVN 6415:2016; TCVN 4732:2016
13.2	Xác định các tính chất của gạch ốp lát	TCVN 7744:2013; TCVN 6415:2016
13.3	Xác định các chỉ tiêu cơ lý của gạch xây	TCVN 6355:2009, TCVN 6476:1999, TCVN 6477:2016
14	**Thí nghiệm hiện trường**	
14.1	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất , cấp phối đá dăm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; AASHTO T191
14.2	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864 : 2011
14.3	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011
14.4	Xác định môdun đàn hồi E chung của kết cấu áo đường mềm bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
14.5	Xác định sức kháng trượt mặt đường bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014
14.6	Xác định cường độ nén bê tông lấy từ kết cấu.	TCVN 12252:2020

DANH SÁCH MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo quyết định số 10.10/QĐTN-HV ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Cối chày tiêu chuẩn, cối chày cải tiến.		Trung Quốc	1	
2	Đồng hồ đo trương nở		Trung Quốc	3	
3	Cân phân tích AB 210g(0.0001g)		Mỹ	1	
4	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh.		Trung Quốc	1	
5	Thiết bị xác định hệ số thấm của đất, cát		Trung Quốc	1	
6	Máy mài mòn LosAngeles		Trung Quốc	1	
7	Thước đo hàm lượng thoi dẹt		Trung quốc	1	
8	Dụng cụ Vicat		Trung Quốc	1	
9	Máy trộn vữa xi măng	JJ-5	Trung Quốc	1	
10	Bàn dằn quay tay		Trung Quốc	1	
11	Nhớt kế VEBE		Trung Quốc	1	
12	Máy nén bê tông 2000kN	TYA - 2000	Trung Quốc	1	
13	Máy nén, uốn bê tông 300kN	TYA -300	Trung Quốc	1	
14	Bộ thí nghiệm ép chẻ		Trung Quốc	1	
15	Máy mài mòn bê tông		Trung Quốc	1	
16	Thiết bị kim lún của nhựa		Trung Quốc	1	
17	Bộ thử hóa mềm của nhựa		Trung Quốc	1	
18	Bể ổn nhiệt marshall		Trung Quốc	1	
19	Máy đầm Marshall tự động		Trung Quốc	1	
20	Máy chiết suất li tâm		Trung Quốc	1	
21	Bơm hút chân không + bình		Trung Quốc	1	

22	Bộ cần Benkeman		Trung Quốc	1	
23	Thước 3m		Trung Quốc	1	
24	Máy kéo, nén, uốn vạn năng	WE 1000B	Trung Quốc	1	
25	Dao cắt gọt đất		Trung Quốc	1	
26	Máy nén Marshall/CBR		Trung Quốc	1	
27	Bộ khuôn đúc mẫu Marshall		Trung Quốc	3	
28	Tủ sấy	HN 101-2	Trung Quốc	1	
29	Lò nung		Trung Quốc	1	
30	Cân điện tử 30kg	TPS	Trung Quốc	1	
31	Cân điện tử loại 6200g	SHINKO	Nhật Bản	1	
32	Cân điện tử loại 3200g	SHINKO	Nhật Bản	1	
33	Máy khoan mẫu		Trung Quốc	1	
34	Bình tỷ trọng 100ml		Tung Quốc	1	
35	Ống đong thủy tinh 100ml, 250 ml, 1000 ml		Trung Quốc	1	
36	Parafin		Việt Nam	1	
37	Bình tam giác 1000ml(tỷ trọng đá)		Trung Quốc	1	
38	Thước kẹp		Trung Quốc	1	
39	Thước lá		Trung Quốc	1	
40	Nhiệt kế điện tử		Trung Quốc	1	
41	Tỷ trọng kế		Trung Quốc	1	
42	Bộ thiết bị kéo bu lông		Trung Quốc	1	
43	Bộ thí nghiệm độ nhám		Trung Quốc	1	
44	Thùng đóng 1l, 2l, 5l, 10l, 20l		Trung Quốc	1	
45	Bộ thí nghiệm Sức kháng trượt - Con lắc Anh		Trung Quốc	1	
46	Bình tạo chân không		Việt Nam	1	
47	Côn thử độ sụt		Trung Quốc	1	
48	Bình rửa cát, bình rửa đá		Trung Quốc	1	
49	Bảng so màu tạp chất hữu cơ		Việt Nam	1	
50	Phễu rót cát		Trung Quốc	1	

51	Khuôn 40x40x160		Trung Quốc	7	
52	Khuôn uốn dầm 150x150x600mm		Trung Quốc	12	
53	Hộp nhôm 55 x 35mm		Việt Nam	10	
54	Bàn rung		Trung Quốc	1	
55	Khuôn trụ 15x30		Trung Quốc	40	
56	Máy khoan bê tông		Trung Quốc	1	
57	Sàng 300mm: 40; 20; 10; 5; 2.5; 1; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14; 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.7; 0.425; 0.045; đáy nắp.		Trung Quốc		
58	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn		Trung Quốc		
59	Rọ cân thủy tĩnh 200x200		Trung Quốc		
60	ống đong nhựa 50ml;100mi; 250ml		Trung Quốc		
61	Khuôn đúc mẫu 15x30cm		Trung Quốc		
62	Bộ sàng D300mm : 25; 2.5; 0.315; 0.14; 0.1; 1.18; 0.15; 0.075; 16mm		Trung Quốc		
63	Mũi Khoan		Trung Quốc		
64	Nhiệt kế thủy tinh		Trung Quốc		
65	Nhiệt kế kim loại		Trung Quốc		
66	Tấm cao su D150mm		Trung Quốc		
67	Cối chày sứ		Trung Quốc		
68	Máy cắt kim loại		Trung Quốc		
69	Bộ chia mẫu 2inch, kèm 2 khay hứng mẫu		Trung Quốc		
70	Khay hứng mẫu 500x500x50mm		Trung Quốc		
71	Khay hứng mẫu 350x500x50mm		Trung Quốc		
72	Khay hứng mẫu 140x260x40mm		Trung Quốc		
73	Chảo mẫu D350mm		Trung Quốc		
74	Ca xúc mẫu		Trung Quốc		
75	Bay tròn		Trung Quốc		

DANH SÁCH NHÂN SỰ TẠI TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

(Kèm theo quyết định số 10.10/QĐTN-HV ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Thâm niên
1	Nguyễn Văn Đông	Trưởng trạm thí nghiệm hiện trường	- Trưởng trạm thí nghiệm hiện trường - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng - Và các thí nghiệm hiện trường + Thí nghiệm hiện trường cơ bản + Thí nghiệm hiện trường xây dựng chuyên sâu.	2016
2	Lại Tích Nhân	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2020
3	Hoàng Đình Sót	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2016
4	Nguyễn Hữu Cầu	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021
5	Nguyễn Thành Thế	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021
6	Nguyễn Ngọc Hải	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021
7	Trần Bảo Hiệp	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2021

8	Võ Văn Hoàng	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2025
9	Nguyễn Quang Tấn	Thí nghiệm viên	**- Nhân viên phòng thí nghiệm** - Thực hiện thí nghiệm vật liệu - Thí nghiệm hiện trường	2020